TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2019/DS-PT.
Ngày: 26- 9 -2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu.

*Các Thẩm phán***:** Ông Trần Thanh Phong

Bà Vũ Thị Thu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tám - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Ông Đào Văn Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 143/2019/TLPT-DS ngày 26/7/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2019/QĐ-PT ngày 5/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Thái Thị Hải V**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Bà **Thái Thị Thanh H,** sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 29/10, tổ 13, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm 1990.

Bà Kha Anh L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Bá K**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 29/10, tổ 13, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bà Thái Thị Thanh H - Bị đơn.

Viện kiểm sát kháng nghị: Không.

(Bà L, bà H, ông L, ông K có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Thái Thị Hải V do bà Trần Thị L đại diện trình bày:

Bà Thái Thị Hải V, bà Thái Thị Thanh H, ông Thái Xuân S và bà Thái Thị Hải Y là anh, em ruột với nhau. Bà H nhiều lần vay tiền của bà V để làm ăn buôn bán. Bà V giao tiền cho bà H tổng cộng 03 lần:

- Lần thứ nhất, ngày 20/5/2016, bà V giao cho bà H 40.000.000 đồng, không làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến.

- Lần thứ hai, ngày 12/7/2016, bà V giao cho bà H 50.000.000 đồng, không làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến.

- Lần thứ ba, ngày 21/9/2016, bà V giao cho bà H 40.000.000 đồng, không làm giấy tờ, có người chung sống với bà V là ông Phạm Thanh H chứng kiến việc giao tiền.

Tổng cộng 3 lần giao tiền là 130.000.000 đồng.

Lần đầu giao số tiền 40.000.000 đồng thì bà H nói để bà làm ăn có tiền rồi trả chứ không nói rõ thời gian trả cụ thể. Đến ngày 15/11/2016, tại nhà ông Thái Xuân S, bà H có chốt nợ của bà V số tiền 130.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền, thời hạn vay là 12 tháng, tuy trong giấy vay tiền không có ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói với nhau là mỗi tháng bà H trả cho bà V 5% lãi suất, tương đương 6.500.000 đồng tiền lãi. Việc chốt nợ tại nhà ông S có sự chứng kiến của ông S, bà Thái Thị Hải Y và các anh chị em khác trong gia đình. Bà V xác định ngày 15/11/2016 là ngày chốt nợ chứ không có việc giao nhận tiền.

Trước đây, bà H có vay của bà Đinh Thị Như H1 số tiền 130.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của vợ chồng bà H – ông K. Sau khi ông K biết sự việc, ông K có đưa cho bà V 130.000.000 đồng để nhờ bà V trả tiền cho bà H1 và lấy sổ đỏ về giao cho ông K. Lúc này ông K cũng đã biết việc bà H vay tiền của bà V nên có hứa với bà V là sau khi chuộc sổ đỏ về thì ông K sẽ đem đi thế chấp ngân hàng để vay tiền trả nợ thay cho khoản nợ 130.000.000 đồng mà bà H đang nợ bà V. Tuy nhiên, từ khi bà V đưa sổ đỏ cho ông K đến nay thì ông K và bà H không trả nợ cho bà V.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà V yêu cầu bà H thanh toán 130.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận miệng là 6.500.000 đồng/tháng từ ngày 15/11/2016 đến ngày 28/3/2019 tạm tính là 28 tháng x 6.500.000 đồng = 182.000.000 đồng. Tổng cộng là 312.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện bà V chỉ yêu cầu bà H trả 130.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm của khoản tiền vay, tính từ ngày đến hạn trả nợ 16/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/05/2019, tạm tính là 18 tháng 15 ngày: 130.000.000 đồng x 18 tháng 15 ngày x 0.83% (10%/năm) = 19.961.500 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 130.000.000 đồng + 19.961.500 đồng = 149.961.500 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi mốt ngàn, năm trăm đồng).

Thời điểm bà V cho bà H vay tiền bà V chưa kết hôn với ai nên đây là tài sản của bà V. Việc bà H vay tiền của bà V thì ông K không biết nên bà V chỉ yêu cầu cá nhân một mình bà H có trách nhiệm trả nợ cho bà V, không yêu cầu ông K thanh toán.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K về số tiền 40.000.000 đồng theo nội dung giấy nhận tiền ngày 26/10/2017, bà V và ông K sẽ tự giải quyết riêng với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 15/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Thái Thị Thanh H trình bày:

Trước đây bà có vay của bà Đinh Thị Như H1 số tiền 130.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng bà. Sau khi ông K biết, ông đã đưa cho bà V 130.000.000 đồng nhờ bà V trả nợ chuộc sổ đỏ về cho vợ chồng bà rồi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V yêu cầu bà thanh toán số nợ 130.000.000 đồng thì bà không đồng ý, vì bà không vay tiền của bà V và cũng không ký tên vào giấy mượn tiền ngày 15/11/2016. Thực tế, nhiều lần bà V có đưa cho bà tiền để bà đem cho người khác vay trả góp. Sau khi người ta góp lại cho bà thì bà cầm toàn bộ số tiền góp giao cho bà V, bà không giữ lại khoản tiền lời nào. Bà có hứa xong được một khoản vay hay còn gọi là một dây vay thì cho

bà 250.000 đồng tiền xăng, có khi thì bà nhận có khi thì không nhận số tiền này. Hiện nay số tiền người ta chưa trả góp lại cho bà là khoảng 87.000.000 đồng, khi nào người ta trả góp đủ cho bà thì bà sẽ trả số tiền này lại cho bà V, còn nếu như người ta không trả góp cho bà thì bà chấp nhận trả dần cho bà V mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 87.000.000 đồng. Đối với khoản tiền lãi, vì bà không thỏa thuận mỗi tháng trả cho bà V số tiền 6.500.000 đồng tiền lãi nên bà không đồng ý thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của bà V. Do bà V không thừa nhận số tiền nợ 87.000.000 đồng nên tại phiên tòa bà không đồng ý trả cho bà V bất kỳ khoản tiền nào. Việc bà V đưa tiền để bà cho người khác vay trả góp thì ông K không biết nên ông K không liên quan gì đến số tiền này.

Việc ông K cho bà V vay số tiền 40.000.000 đồng thì bà cũng không biết nên bà không liên quan gì đến số tiền này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá K trình bày:*

Trước đây vợ ông là bà H có vay của bà Đinh Thị Như H1 số tiền 130.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của vợ chồng ông. Sau khi ông biết, ông đã đưa cho bà V 130.000.000 đồng nhờ bà Vtrả nợ chuộc sổ đỏ về cho vợ chồng ông rồi.

Việc bà H và bà V có bàn bạc đưa tiền cho người khác vay trả góp như thế nào thì ông không biết. Ông không liên quan, không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ 130.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/11/2016 giữa bà V và bà H.

Ngày 16/4/2018 ông K có nộp đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu bà V thanh toán cho ông số tiền 40.000.000 đồng theo nội dung giấy nhận tiền ngày 26/10/2017. Ngày 28/3/2019 ông K đã nộp đơn rút yêu cầu độc lập nêu trên.

- *Người làm chứng ông Thái Xuân S trình bày:*

Ông là anh ruột của bà H, bà Y và bà V. Ông có biết việc bà H vay mượn tiền của bà V, nhưng không biết rõ số tiền vay là bao nhiêu và không chứng kiến việc giao nhận tiền giữa hai chị em. Ngày 15/11/2016, tại nhà ông, giữa bà V và bà H có lập Giấy mượn tiền, ông nghe nói số tiền vay là 130.000.000 đồng nhưng ông không đọc nội dung giấy mượn tiền. Ông chỉ góp ý cho bà H cố gắng làm ăn để trả nợ sớm cho bà V, các em cũng đồng ý như vậy, ngoài ra ông không nói gì thêm.

- *Người làm chứng bà Thái Thị Hải Y trình bày:*

Bà H là chị ruột của bà, còn bà V là em ruột của bà. Vào ngày 15/11/2016, tại nhà ông S, bà có chứng kiến việc chốt nợ giữa bà H và bà V theo nội dung giấy mượn tiền 130.000.000 đồng là đúng. Nội dung giấy mượn tiền

ngày 15/11/2016 là do bà V viết, bà H ký và ghi họ tên. Những lần giao nhận tiền trước đó bà không chứng kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 217, 218, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Thị Hải V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Thái Thị Thanh H.

Buộc bà Thái Thị Thanh H phải thanh toán cho bà Thái Thị Hải V 149.961.500 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi mốt ngàn, năm trăm đồng) tiền nợ trong Hợp đồng vay tài sản ngày 15/11/2016.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với nguyên đơn bà Thái Thị Hải V.

Về chi phí giám định: Bà Thái Thị Thanh H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Thái Thị Hải V 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm ngàn đồng) chi phí giám định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Thị Thanh H phải chịu 7.498.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Thái Thị Hải V 3.735.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 005334 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Bá K 1.400.000 đồng (Một triệu, bốn trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002125 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm chậm thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/6/2019, bà Thái Thị Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án một cách khách quan, toàn diện theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về đề xuất giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà Thái Thị Thanh H trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận. Ý kiến của đại diện bị đơn tại phiên tòa cho rằng, việc không xác định tư cách tham gia tố tụng của nhân chứng tại quyết định đưa vụ án ra xét xử và bản án là không đúng. Đây là thiếu sót của án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Hải V buộc bà Thái Thị Thanh H trả nợ gốc và lãi là có căn cứ, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Thái Thị Thanh H kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định, nhưng không xác định tư cách tham gia tố tụng của nhân chứng tại quyết định đưa vụ án ra xét xử và bản án là thiếu sót, nên cần phải rút kinh nghiệm.

[3] Về nội dung: Bà V khởi kiện yêu cầu bà Huyền thanh toán số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi 19.961.500 đồng, tổng cộng 149.961.500 đồng theo nội dung giấy mượn tiền ngày 15/11/2016.

Bà H không thừa nhận vay của bà Vân số tiền 130.000.000 đồng, bà H trình bày bà V nhiều lần đưa tiền cho bà để bà cho nhiều người khác vay trả góp lấy lời, sau khi người ta trả góp cho bà thì bà giao toàn bộ số tiền góp trên cho bà V, do nhiều người không chịu trả tiền góp cho bà nên hiện nay bà còn nợ lại bà V số tiền 87.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà V không thừa nhận lời khai của bà H, bà H cũng không có chứng cứ thể hiện đã trả cho bà V được bất kỳ khoản tiền nào.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2018, bà H thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền ngày 15/11/2016 nhưng sau đó bà H không thừa nhận. Kết luận giám định số 269/C09B ngày 27/12/2018 kết luận: Chữ ký đứng tên Thái Thị Thanh H và chữ viết họ tên "Thái Thị Thanh H" dưới mục "Ký tên" trên

"Giấy mượn tiền", ngày 15/11/2016 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Thái Thị Thanh H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người ký và viết ra.

Kết quả giám định, lời khai của ông Thái Xuân S, bà Thái Thị Hải Y có đủ căn cứ để xác định có việc cho vay tiền giữa bà V và bà H, hiện bà H còn nợ bà V số tiền 130.000.000 đồng. Về lãi suất, án sơ thẩm xem xét theo quy định, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không còn có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Thái Thị Thanh H phải chịu toàn bộ chi phí giám định.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bà Thái Thị Thanh H không được chấp nhận nên bà Huyền phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị Thanh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Thị Hải V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Thái Thị Thanh H.

Buộc bà Thái Thị Thanh H phải thanh toán cho bà Thái Thị Hải V 149.961.500 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn năm trăm đồng) tiền nợ trong Hợp đồng vay tài sản ngày 15/11/2016, trong đó gồm 130.000.000đ tiền gốc và 19.961.500 đồng tiền lãi.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá K về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với nguyên đơn bà Thái Thị Hải V.

Về chi phí giám định: Bà Thái Thị Thanh H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Thái Thị Hải V 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí giám định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Thị Thanh H phải chịu 7.498.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Thái Thị Hải V 3.735.000 đồng (Ba triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 005334 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Bá K 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002125 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bà Thái Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Thái Thị Thanh H nộp tại biên lai 0005107 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được tính trừ án phí phúc thẩm bà H phải chịu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Long Châu